

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

\*\*\*\*\*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 121/MHC

V/v: "BCTC Quý 2 năm 2015

- Hợp nhất"

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2015

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần MHC

Mã chứng khoán: MHC

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7 Tòa nhà Hải An, Km 2 Đường Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q.Hải An, TP. Hải Phòng.

Điện thoại: 0313 614630

Fax: 0313 614640

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Lan Anh

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Licogi 13, 164 Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 04 35770810

Fax:

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ:

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính quý 2 năm 2015 - Hợp nhất và Công văn giải trình.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/08/2015 tại đường dẫn [www.marinahanoi.com](http://www.marinahanoi.com).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính quý 2 năm 2015 – Hợp nhất
- Công văn 121/MHC

**Người đại diện theo pháp luật/  
Người được ủy quyền công bố thông tin**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**RƯƠNG PHONG KE AN**  
*Nguyễn Thị Lan Anh*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2015 (HỢP NHẤT)**

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>180,665,340,646</b>	<b>63,135,502,029</b>
<b>I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>	<b>110</b>	<b>VI.1</b>	<b>43,137,059,054</b>	<b>1,996,964,408</b>
1. Tiền	111		5,215,059,054	1,996,964,408
2. Các khoản tương đương tiền	112		37,922,000,000	0
<b>II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN</b>	<b>120</b>		<b>78,044,473,938</b>	<b>351,463,938</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	VI.2	22,388,112,928	351,463,938
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	VI.2	(4,343,638,990)	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	VI.2	60,000,000,000	
<b>III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN</b>	<b>130</b>		<b>56,637,417,246</b>	<b>56,299,114,503</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3	57,095,426,009	59,011,704,260
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3,091,310,000	4,302,741,435
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4	7,804,199,535	3,785,235,335
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	VI.5	(11,353,518,298)	(10,800,566,527)
<b>IV. HÀNG TỒN KHO</b>	<b>140</b>		<b>1,671,200</b>	<b>3,398,500</b>
1. Hàng tồn kho	141		1,671,200	3,398,500
<b>V. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>150</b>		<b>2,844,719,208</b>	<b>4,484,560,680</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		559,341,648	534,102,277
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	VI.10	837,871,034	364,573,648
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.10	574,072,153	575,072,153
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		873,434,373	3,010,812,602
<b>B-TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>179,317,539,961</b>	<b>173,597,202,818</b>
<b>I. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN</b>	<b>210</b>		<b>10,000,000,000</b>	<b>10,000,000,000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	VI.6	10,000,000,000	10,000,000,000
<b>II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>	<b>220</b>		<b>36,543,811,154</b>	<b>34,066,331,306</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.7	35,797,317,354	33,319,837,506
- Nguyên giá	222		55,873,259,534	52,858,119,949
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(20,075,942,180)	(19,538,282,443)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.8	746,493,800	746,493,800
- Nguyên giá	228		746,493,800	746,493,800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
<b>IV. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>60,480,000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	60,480,000
<b>III. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN</b>	<b>250</b>		<b>132,762,476,791</b>	<b>129,009,464,098</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.2	128,262,476,791	124,509,464,098
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	VI.2	4,500,000,000	4,500,000,000
<b>IV. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC</b>	<b>260</b>		<b>11,252,016</b>	<b>460,927,414</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		8,752,016	458,427,414
2. Tài sản dài hạn khác	268		2,500,000	2,500,000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>359,982,880,607</b>	<b>236,732,704,847</b>

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
I	2	3	4	4
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>23,433,289,295</b>	<b>58,585,641,763</b>
<b>I. NỢ NGẮN HẠN</b>	<b>310</b>		<b>22,038,487,295</b>	<b>57,394,791,763</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.9	6,858,503,678	9,256,226,874
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		844,485,392	426,472,792
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.10	429,296,767	255,393,482
4. Phải trả người lao động	314		1,619,056,576	2,631,703,286
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.11	8,664,709,854	17,755,601,089
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		229,027,905	10,909,091
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.12	2,492,378,919	7,099,902,399
8. Vay ngắn hạn	320	VI.13	762,000,000	19,800,000,000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		139,028,204	158,582,750
<b>II. NỢ DÀI HẠN</b>	<b>330</b>		<b>1,394,802,000</b>	<b>1,190,850,000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		242,702,000	1,190,850,000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.13	1,152,100,000	
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>336,549,591,312</b>	<b>178,147,063,084</b>
<b>I. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>410</b>	VI.14	<b>336,549,591,312</b>	<b>178,147,063,084</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	VI.15	271,109,080,000	135,555,140,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		271,109,080,000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28,679,580,000	24,001,910,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
4. Cổ phiếu quỹ	415		(1,200,000)	(1,200,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		8,944,183,063	8,944,183,063
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27,817,948,249	9,647,030,021
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		6,274,258,616	(56,656,225,965)
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		21,543,689,633	66,303,255,986
<b>II. NGUỒN KINH PHÍ, QUỸ KHÁC</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>359,982,880,607</b>	<b>236,732,704,847</b>

Hải phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Lan Hương

TRƯỞNG PHÒNG KT



Nguyễn Thị Lan Anh



Hoàng Duy Anh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

**QUÝ II NĂM 2015(HỢP NHẤT)**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I	2	3	4	5	6	7
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	VII.1	<b>25,992,449,869</b>	<b>22,988,397,996</b>	<b>33,386,187,365</b>	<b>40,895,826,052</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03				0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV (10=01-03)	10		25,992,449,869	22,988,397,996	33,386,187,365	40,895,826,052
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	25,210,176,580	15,859,571,297	31,591,541,826	28,488,501,270
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV</b> (20=10-11)	<b>20</b>		<b>782,273,289</b>	<b>7,128,826,699</b>	<b>1,794,645,539</b>	<b>12,407,324,782</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	2,447,683,203	2,628,329,043	5,684,152,271	3,803,054,933
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	3,233,316,716	638,177,559	5,342,294,162	1,304,442,152
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		403,276,933	452,705,556	957,058,796	1,028,262,601
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		10,493,190,632	6,066,916,122	19,603,904,098	13,389,517,401
9. Chi phí bán hàng	25		0	179,716,558	0	310,127,526
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3,132,050,701	5,370,562,743	3,587,942,507	10,236,493,681
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> {30= 20+ (21-22)-(24+25)}	<b>30</b>		<b>7,357,779,707</b>	<b>9,635,615,004</b>	<b>18,152,465,239</b>	<b>17,748,833,757</b>
12. Thu nhập khác	31	VII.5	897,079,645	37,996,428	897,079,645	7,218,436,712
13. Chi phí khác	32	VII.6	(3,599,286,775)	87,345,889	(3,502,373,507)	2,028,165,139
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4,496,366,420	(49,349,461)	4,399,453,152	5,190,271,573
<b>15. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>11,854,146,127</b>	<b>9,586,265,543</b>	<b>22,551,918,391</b>	<b>22,939,105,330</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.7	886,258,483	848,824,285	1,008,228,758	1,302,493,168
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60 = 50 - 51 - 52)	<b>60</b>		<b>10,967,887,644</b>	<b>8,737,441,258</b>	<b>21,543,689,633</b>	<b>21,636,612,162</b>
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		0	1,303,592,563		2,218,640,985
18.2. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		10,967,887,644	7,433,848,695	21,543,689,633	19,417,971,177
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>70</b>	VII.8			<b>960</b>	<b>1,432</b>

Hải phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG PHÒNG KT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Thị Lan Hương

Nguyễn Thị Lan Anh

Hoàng Duy Anh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
**QUÝ II NĂM 2015 (HỢP NHẤT)**

DIỄN GIẢI	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
1	2	4	5
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<b>22,551,918,391</b>	<b>22,939,105,330</b>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
-Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02	1,092,918,334	1,550,847,233
-Các khoản dự phòng	03	4,896,590,761	(3,756,537,377)
-(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(50,522,612)	69,582,496
-(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(25,342,488,302)	(15,207,603,097)
-Chi phí Lãi vay	06	957,058,796	1,035,612,601
<i>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<b>4,105,475,368</b>	<b>6,631,007,186</b>
(Tăng) / giảm các khoản phải thu	09	4,016,899,013	4,324,636,810
(Tăng) / giảm hàng tồn kho	10	1,727,300	1,171,400
Tăng / (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(17,608,166,108)	13,027,204,424
(Tăng) / giảm chi phí trả trước	12	424,436,027	(203,509,363)
(Tăng) / giảm chứng khoán kinh doanh	13	(22,077,148,990)	
Tiền lãi vay đã trả	14	(3,457,055,165)	(4,792,137,825)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(295,851,745)	(772,806,997)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	0	959,059,637
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(19,554,546)	(568,131,541)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<b>(34,909,238,846)</b>	<b>18,606,493,731</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(3,509,918,182)	(363,862,727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	145,454,545	36,571,256
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(60,000,000,000)	(8,000,320,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6,700,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20,422,720,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6,132,000,000	7,244,213,271
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7,935,967,866	3,910,683,849
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<b>(49,296,495,771)</b>	<b>(10,895,434,351)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	140,231,610,000	2,306,274,738
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	0	0
		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33	42,513,388,889	5,800,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(57,399,288,889)	(23,728,124,010)

DIỄN GIẢI	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
1	2	4	5
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	(669,372,522)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>125,345,710,000</b>	<b>(16,291,221,794)</b>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</i>	<b>50</b>	<b>41,139,975,383</b>	<b>(8,580,162,414)</b>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	<b>60</b>	<b>1,996,964,408</b>	<b>41,252,671,766</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	119,263	1,838,517
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</i>	<b>70</b>	<b>43,137,059,054</b>	<b>32,674,347,869</b>

Hải phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG PHÒNG KT

TỔNG GIÁM ĐỐC





  
Hoàng Duy Anh

Lê Thị Lan Hương

Nguyễn Thị Lan Anh

## CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 7, tòa nhà Hải An, km 2 đường Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q.Hải An, Thành phố Hải Phòng.

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2015

## I. Đơn vị báo cáo

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần MHC (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty quý 2 năm 2015 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

### 2. Lĩnh vực kinh doanh, ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ giao nhận kho vận tải hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa và container;
- Khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Buôn bán, sản xuất tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; đại lý hàng hải;
- Lai dắt tàu biển;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy; và
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

### 3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### 4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 1 công ty con và 3 công ty liên doanh, liên kết (1/1/2015: 1 công ty con và 4 công ty liên doanh, liên kết).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty và các công ty con có 65 nhân viên (1/1/2015: 64 nhân viên).

## II. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### 1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### 2. Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **III. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng**

#### **1. Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực từ ngày 15 tháng 2 năm 2015 và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202.

#### **2. Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2-2015, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý 2-2015 được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### **3. Cơ sở hợp nhất**

##### ***Công ty con***

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### ***Lợi ích cổ đông không kiểm soát***

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

##### ***Mất quyền kiểm soát***

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dùng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.



### ***Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)***

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

### ***Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất***

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

### ***Hợp nhất kinh doanh***

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

## **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

### **1. Ngoại tệ**

#### ***Các giao dịch bằng ngoại tệ***

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty hoặc các công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

## **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao (có kỳ hạn dưới 3 tháng), có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

## **3. Các khoản đầu tư**

### *Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn.

### *Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác*

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

## **4. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

## **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## **6. Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh.

Nếu BCC quy định các bên khác trong BCC chỉ được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ, trường hợp này bên kế toán và quyết toán thuế phải áp dụng phương pháp kế toán BCC chia doanh thu để ghi nhận doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong kỳ, đồng thời cung cấp bằng chứng về việc quyết toán thuế cho các bên khác; các bên khác được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần mình được chia từ BCC, báo cáo cơ quan thuế về việc khoản doanh thu, chi phí này đã được thực hiện nghĩa vụ thuế làm căn cứ điều chỉnh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

## **7. Tài sản cố định hữu hình**

### *Nguyên giá*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến.

### *Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |          |
|--------------------------|----------|
| ▪ nhà cửa                | 6-25 năm |
| ▪ dụng cụ văn phòng      | 4 năm    |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 8 năm    |

## **8. Tài sản cố định vô hình**

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

## **9. Chi phí trả trước dài hạn**

### *Công cụ và dụng cụ*

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

### *Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn*

Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 30 năm.

## **10. Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

## **11. Vốn cổ phần**

### ***Cổ phiếu phổ thông***

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

### ***Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)***

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

## **12. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

## **13. Doanh thu và thu nhập khác**

### ***Doanh thu***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

### ***Thu nhập tài chính***

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

## **14. Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

## 15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

## 16. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

## V. Điều chỉnh hồi tố

Công ty điều chỉnh hồi tố số liệu tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để sửa chữa một số sai sót trong các năm trước và được phát hiện trong năm nay, cụ thể như sau:

- Không phân bổ các quỹ Thặng dư vốn cổ phần, Vốn khác của chủ sở hữu và Cổ phiếu quỹ của các công ty liên doanh, liên kết theo % sở hữu của Công ty vào các chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

	<b>31/12/2014</b> <b>VND</b>
<b>Điều chỉnh tăng/(giảm):</b>	
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	(15.803.931.511)
Thặng dư vốn cổ phần	(16.418.105.588)
Vốn khác của chủ sở hữu	(103.849.474)
Cổ phiếu quỹ	718.023.551

- Hạch toán khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức theo phương pháp giá gốc (không hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) do Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà vào ngày 4 tháng 12 năm 2014.

	<b>31/12/2014</b> <b>VND</b>
<b>Điều chỉnh tăng/(giảm):</b>	
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	(4.139.791.422)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(4.139.791.422)

	<b>Năm 2014</b> <b>VND</b>
<b>Điều chỉnh tăng/(giảm):</b>	
Chi phí tài chính	1.845.538.762
Lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	(2.294.252.660)

## VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	343.586.839	251.674.626
Tiền gửi ngân hàng	4.871.472.215	1.745.289.782
Các khoản tương đương tiền	37.922.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	43.137.059.054	1.996.964.408

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn - ngắn hạn	60.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>		
• Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	122.481.930.655	112.431.045.220
• Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	2.465.574.069	2.519.249.125
• Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam	3.314.972.067	3.559.169.753
• Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	-	6.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	128.262.476.791	124.509.464.098

	30/6/2015			1/1/2015		
	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>						
Cổ phiếu HMH - Công ty Cổ phần Hải Minh	807.999	22.038.054.573	4.343.638.990	99	1.405.583	-
Cổ phiếu Sabeco - Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	5.000	350.000.000	-	5.000	350.000.000	-
Cổ phiếu TMS - Công ty Cổ phần Transimex - Saigon	2	58.355	-	2	58.355	-
		<hr/>	<hr/>		<hr/>	<hr/>
		22.388.112.928	4.343.638.990		351.463.938	-

	30/6/2015			1/1/2015			Giá gốc VND
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>							
• Công ty Cổ phần Dược phẩm TW3	450.000	8,57%	8,57%	450.000	8,57%	8,57%	4.500.000.000

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	43.404.539.000	45.404.539.000
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	5.516.183.019	5.516.183.019
Các khách hàng khác	8.174.703.990	8.090.982.241
	<hr/>	<hr/>
	57.095.426.009	59.011.704.260

Ngày 09/07/2015, Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí đã thanh toán gần như toàn bộ công nợ chuyển nhượng Bến số 2 - Cảng Tổng hợp Dung Quất với số tiền: 43.233.847.000 đồng trên tổng số 43.404.539.000 đồng cho Công ty Cổ phần MHC.

### 4. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.985.290.524	-
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	1.415.421.793	-
Phải thu khác	4.403.487.218	3.785.235.335
	<hr/>	<hr/>
	7.804.199.535	3.785.235.335

### 5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Nợ quá hạn		
▪ Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	5.516.183.019	5.516.183.019
▪ Công ty Cổ phần Du lịch và Vận tải Dương Đông	1.846.428.831	1.846.428.831
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Sông Đào	328.000.000	328.000.000
▪ Công ty Giao thông Vận tải Quyết Tiến	238.100.000	238.100.000
▪ Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	110.000.000	110.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Hàng Hải Hà Nội Phía Nam	1.050.893.473	736.938.237
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	379.608.500	189.804.250
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Kính Quảng Ninh	157.200.000	157.200.000
▪ Công ty TNHH MTV Vận tải Quốc Huy	125.851.000	125.851.000
Các khoản nợ xấu và nợ khó đòi khác	1.601.253.475	1.552.061.190
	<hr/>	<hr/>
	11.353.518.298	10.800.566.527



## 6. Phải thu dài hạn khác

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Góp vốn tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh	10.000.000.000	10.000.000.000

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 16/HĐHTKD ngày 25 tháng 9 năm 2014, các bên cam kết cùng hợp tác tổ chức kinh doanh, cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất, rủi ro từ hoạt động kinh doanh tàu chở container tương ứng với tỷ lệ vốn góp và các quy định trong hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn tối thiểu của hợp đồng hợp tác kinh doanh là 5 năm và mặc nhiên được gia hạn thêm 3 năm một lần nếu các bên có thỏa thuận bằng văn bản.

## 7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Dụng cụ văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	38.530.325.770	52.074.000	14.275.720.179	52.858.119.949
Tăng trong kỳ	-	-	3.570.398.182	3.570.398.182
Thanh lý	-	-	(555.258.597)	(555.258.597)
Số dư cuối kỳ	38.530.325.770	52.074.000	17.290.859.764	55.873.259.534
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	6.563.947.939	52.074.000	12.922.260.504	19.538.282.443
Khấu hao trong kỳ	774.359.142	-	318.559.192	1.092.918.334
Thanh lý	-	-	(555.258.597)	(555.258.597)
Số dư cuối kỳ	7.338.307.081	52.074.000	12.685.561.099	20.075.942.180
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	31.966.377.831	-	1.353.459.675	33.319.837.506
Số dư cuối kỳ	31.192.018.689	-	4.605.298.665	35.797.317.354

## 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 13, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ với nguyên giá 746.493.800 VND. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không xác định thời hạn.

## 9. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	988.817.357	1.188.817.357
Công ty Bảo Minh Bến Thành	-	1.129.920.708
Công ty TNHH Thương mại Lê Anh Quân	300.322.000	675.118.900
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Thanh Thảo	308.990.000	550.440.000
Công ty CP Vận tải Dầu khí Hà Nội	370.495.640	536.141.700
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long	405.150.000	405.150.000
Các nhà cung cấp khác	4.484.728.681	5.445.757.109
	6.858.503.678	9.256.226.874

### Nợ quá hạn chưa thanh toán

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long	405.150.000	405.150.000
Hãng Đăng kiểm Germanischer Lloyd	358.062.505	382.740.155
ISS Machinery Services	390.414.184	393.574.448
Howe Robinson & Co.Ltd	291.022.820	285.650.584
Trường Cao Đẳng Hàng Hải	247.584.025	247.584.025
Các nhà cung cấp khác	800.851.841	793.106.182
	2.493.085.375	2.507.805.394

## 10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/6/2015 VND
<b>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	364.573.648	1.583.032.070	(1.109.734.684)	837.871.034
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	575.072.153	-	(1.000.000)	574.072.153
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	49.473.826	67.207.760	(52.973.777)	63.707.809
Thuế giá trị gia tăng	47.758.868	1.543.356.252	(1.543.356.252)	47.758.868
Thuế thu nhập doanh nghiệp	58.481.246	439.781.047	(295.851.745)	202.410.548
Các loại thuế khác	99.679.542	18.740.000	(3.000.000)	115.419.542

## 11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí chuyển nhượng giá trị tài sản trên đất - BS2 Dung Quất	7.268.181.818	13.193.993.225
Chi phí lãi vay phải trả	-	3.019.918.591
Các khoản trích trước khác	1.396.528.036	1.541.689.273
	<hr/>	<hr/>
	8.664.709.854	17.755.601.089

## 12. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Nhận tiền ứng trước từ hợp đồng chuyển nhượng vốn	-	2.628.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	-	1.857.936.076
Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất Động Sản Hà Nội (*)	1.503.000.000	1.503.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	989.378.919	1.110.966.323
	<hr/>	<hr/>
	2.492.378.919	7.099.902.399

(\*) Khoản phải trả Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất Động Sản Hà Nội đã bị quá hạn.

### 13. Vay ngắn hạn và dài hạn

	1/1/2015 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/6/2015 VND
Vay ngắn hạn	5.800.000.000	40.230.388.889	(46.030.388.889)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	14.000.000.000	762.000.000	(14.000.000.000)	762.000.000
	19.800.000.000	40.992.388.889	(60.030.388.889)	762.000.000

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải				
Đa phương thức	VND	6,8%	-	3.000.000.000
Ban Giám đốc	VND	12%	-	2.800.000.000
			-	5.800.000.000

Chi tiết các khoản vay dài hạn:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng 1	VND	Thả nổi	2015	-	14.000.000.000
Ngân hàng 2	VND	8%	2018	1.914.100.000	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(762.000.000)	(14.000.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				1.152.100.000	-

Ngân hàng 1: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Láng Hạ

Ngân hàng 2: Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – Chi nhánh Hải Phòng

#### 14. Vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>								
như đã báo cáo trước đây	135.555.140.000	40.420.015.588	103.849.474	(719.223.551)	2.365.477.900	6.346.747.810	14.018.778.796	198.090.786.017
Điều chỉnh hồi tố	-	(16.418.105.588)	(103.849.474)	718.023.551	-	-	(4.139.791.422)	(19.943.722.933)
Phân loại lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	-	-	-	-	6.346.747.810	(6.346.747.810)	-	-
Phân loại lại	-	-	-	-	231.957.353	-	(231.957.353)	-
Phát hành cổ phiếu trong kỳ	135.553.940.000	4.677.670.000	-	-	-	-	-	140.231.610.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	21.543.689.633	21.543.689.633
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	(3.372.771.405)	(3.372.771.405)
<b>Số dư tại 30/6/2015</b>	271.109.080.000	28.679.580.000	-	(1.200.000)	8.944.183.063	-	27.817.948.249	336.549.591.312

## 15. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	27.110.908	271.109.080.000	13.555.514	135.555.140.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	120	1.200.000	120	1.200.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	27.110.788	271.107.880.000	13.555.394	135.553.940.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

## 16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

### Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Bransford International Ltd	Nợ đọng kéo dài	2013	1.510.085.635	1.510.085.635
Công ty TNHH Đền hình Orion Hanel	Doanh nghiệp phá sản	2012	1.007.000.000	1.007.000.000
Far Shipping Lines Pte Ltd	Nợ đọng kéo dài	2013	832.800.000	832.800.000
Tổng Công ty Xây dựng Số 1	Nợ đọng kéo dài	2012	353.441.000	353.441.000
Obayashi Corporation	Nợ đọng kéo dài	2013	671.955.900	671.955.900
Các khoản nợ khó đòi khác	Nợ đọng kéo dài	2012	1.406.380.106	1.406.380.106
			5.781.662.641	5.781.662.641

## VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu vận tải	9.345.080.452	37.954.897.410
Doanh thu cho thuê văn phòng, kho bãi, cầu bến	2.030.862.763	1.520.574.097
Doanh thu dịch vụ khác	3.637.801.017	1.420.354.545
Doanh thu được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	18.372.443.133	-
	<hr/>	<hr/>
	33.386.187.365	40.895.826.052

### 2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn dịch vụ vận tải	8.021.564.860	24.976.202.414
Giá vốn cho thuê văn phòng, kho bãi, cầu bến	4.804.965.429	2.270.381.351
Giá vốn dịch vụ khác	2.946.306.639	1.241.917.505
Giá vốn được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	15.818.704.898	-
	<hr/>	<hr/>
	31.591.541.826	28.488.501.270

### 3. Doanh thu tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.153.560.359	680.210.335
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	2.760.000.000	931.089.700
Cổ tức được chia	720.069.300	2.115.786.729
Lãi chênh lệch tỷ giá	50.522.612	75.968.169
	<hr/>	<hr/>
	5.684.152.271	3.803.054.933

#### 4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	957.058.796	1.028.262.601
Lỗ do mua bán chứng khoán kinh doanh	40.500.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.096.376	268.829.551
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	4.343.638.990	-
Chi phí tài chính khác	-	7.350.000
	<hr/>	<hr/>
	5.342.294.162	1.304.442.152

#### 5. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Hoàn nhập chi phí lãi vay được miễn giảm	250.000.000	6.751.148.519
Chuyển nhượng thẻ hội viên câu lạc bộ golf	501.625.100	-
Thanh lý tài sản cố định	145.454.545	-
Các khoản thu nhập khác	-	467.288.193
	<hr/>	<hr/>
	897.079.645	7.218.436.712

#### 6. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Điều chỉnh giảm chi phí chuyển nhượng giá trị tài sản trên đất - Bến số 2 Dung Quất	(3.601.807.976)	-
Chi phí thiết kế đóng tàu	-	1.940.819.250
Các khoản chi phí khác	99.434.469	87.345.889
	<hr/>	<hr/>
	(3.502.373.507)	2.028.165.139

Trong năm 2014, Công ty đã bàn giao xong bến số 2 Dung Quất cho Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí. Theo Phụ lục hợp đồng ngày 4 tháng 5 năm 2015, Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí thống nhất giảm bớt một hạng mục cần bàn giao. Theo đó, Công ty điều chỉnh giảm khoản chi phí thuần đã trích trước trong năm 2014 cho hạng mục này.



## 7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế kỳ hiện hành	239.198.002	1.302.493.168
Thuế thu nhập doanh nghiệp trích lập thiếu trong năm trước	200.583.045	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp bị chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	568.447.711	-
	<hr/>	<hr/>
	1.008.228.758	1.302.493.168

## 8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ (a)	21.543.689.633	19.417.971.177
<b>Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền</b>		
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	13.555.514	13.555.514
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu phổ thông trong kỳ (ngày 4 tháng 3 năm 2015)	8.886.314	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ (b)	<hr/>	<hr/>
	22.441.828	13.555.514
Lãi cơ bản trên cổ phiếu {(a): (b)}	960	1.432

Hải Phòng, Ngày 14 tháng 08 năm 2015

Người lập:

Lê Thị Lan Hương  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

  
  

Nguyễn Thị Lan Anh  
Kế toán trưởng

Hoàng Duy Anh  
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----oOo-----

Số: *121*/MHC  
V/v: "Giải trình BCTC Quý 2/2015-- Hợp nhất"

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2015

**Kính gửi :** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần MHC – Mã giao dịch MHC trên Sở GDCK TP.HCM, xin được giải trình kết quả kinh doanh Quý 2 năm 2015 như sau:

- Tổng doanh thu bán hàng, hoạt động tài chính và thu nhập khác là: 29.337.212.717 VND
- Lợi nhuận sau thuế quý 2-2014: 8.737.441.258 VND
- Lợi nhuận sau thuế quý 2-2015: 10.967.887.644 VND

Kết quả kinh doanh quý 2/2015 của Công ty có lãi cao hơn so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu là do Quý 2/2015 Công ty nhận lãi từ công ty liên kết cao hơn so với quý 2-2014.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên
- TCKT
- Lưu VT

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**HOÀNG DUY ANH**